TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày 06-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

T Ò A Á N N H Â N D Â N H U Y Ệ N V Ĩ N H B Ả O , T H À N H P H Ố H Ả I P H Ò N G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết – Giáo viên nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Tâm – Nguyên Chủ tịch hội phụ nữ xã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Phạm Tuấn A, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2006, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 8, xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 và bà Đoàn Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 31-8-2023 đến ngày 07-12-2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh; có mặt.

2. Lê Minh D, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2000, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Tràng, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị P; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ

ngày 31-8-2023 đến ngày 23-01-2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Tuấn A: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 8, xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn A: Bà Trần Thị Thúy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị hại: Anh Trần Minh H, sinh ngày 11-11-2007; địa chỉ: Thôn 10, xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Trần Văn H2, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 10, xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa – Luật sư Văn phòng Luật sư Thu Đình thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Vũ Văn G, sinh ngày 01-3-2012; địa chỉ: Thôn 5, xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 5, xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Vũ Công V có mặt; anh Lao Minh T, anh Phạm Văn H3, ông Vũ Văn T2 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02-2023, bị hại anh Trần Minh H có vay của bị cáo Phạm Tuấn A số tiền 2.400.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 100.000đ/ngày và hẹn một tuần trả. Sau đó một tuần, bị cáo Tuấn A có nhiều lần đòi tiền nhưng anh H chưa có tiền trả. Sáng ngày 17-3-2023 tại cửa hàng điện thoại DL thuộc địa phận thôn TH, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, bị cáo Phạm Tuấn A có nói với bị cáo Lê Minh D (chủ cửa hàng điện thoại) về việc anh H vay tiền nhưng lâu chưa trả, lúc này Vũ Văn G, sinh ngày 01-3-2012 (được 11 năm 16 ngày tuổi) ở thôn 5, xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (là bạn của Tuấn A) cũng nghe thấy. Bị cáo D bảo với bị cáo Tuấn A đưa anh H đến cửa hàng viết giấy nợ tiền, nếu anh H không trả nợ thì anh D sẽ nói bị cáo Tuấn A nợ tiền của bị cáo D để

anh H phải trả nợ bị cáo Tuấn A. Bị cáo Tuấn A đồng ý và bảo G đi cùng. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 17-3-2023, bị cáo Tuấn A và G mỗi người điều khiển một xe mô tô (không xác định được biển kiểm soát) đến khu vực lối rẽ vào thôn 10, xã VT, huyện Vĩnh Bảo (cách trường THPT Tô Hiệu khoảng 100m) chờ anh Trần Minh H đi học về. Khi anh Đặng Hải Đ, sinh ngày 04-6-2007 ở thôn 10, xã VT, huyện Vĩnh Bảo điều khiển xe máy điện chở anh H đi qua thì bị cáo Tuấn A chặn đầu xe và yêu cầu anh H xuống xe. Anh H không xuống nên Tuấn A kéo tay anh H xuống xe và bảo anh H lên xe của bị cáo Tuấn A để đến cửa hàng điện thoại của bị cáo D, nhưng anh H không lên. Do bực tức việc anh H không lên xe, bị cáo Tuấn A kéo H đi sang vệ đường rồi đấm hai cái vào đầu, một cái vào tay anh H và nói với anh H lên xe để đến cửa hàng điện thoại của bị cáo D ở xã TL. Anh H bảo "*sao đi xa thế*" thì bị cáo Tuấn A nói "*đi đi rồi tí tao lai về*", vì vậy, anh H lên xe của bị cáo Tuấn A. Bị cáo Tuấn A điều khiển xe chở anh H, còn G điều khiển xe mô tô đi một mình theo sau cùng tới cửa hàng điện thoại của bị cáo D. Tại đây, bị cáo D hỏi anh H số tiền nợ bị cáo Tuấn A và nói "*Bây giờ thằng Tuấn A nó nợ tiền anh mà anh lại đi đánh nó thì có được không, còn mày nợ tiền của nó, nó lại đi đánh mày thì có được không, mày trả nó cho xong đi*". Bị cáo Tuấn A yêu cầu anh H viết giấy nợ Tuấn A. Bị cáo Tuấn A bảo anh G đi tìm giấy thì anh G hỏi bị cáo D "*Anh có giấy không?*", bị cáo D nói "*Quán còn thì tự đi tìm*", sau đó bị cáo D bảo "*Không còn thì sang quán khác mà xin*". Anh G đã sang quán nhà ông Vũ Văn T2, sinh năm 1963, ở gần cửa hàng điện thoại của bị cáo D xin giấy. Sau khi có giấy, thấy anh H không biết viết như thế nào nên Lao Minh T, sinh năm 2004 (tạm trú tại xã TL, huyện Vĩnh Bảo, nơi đăng ký thường trú tại xã PG, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên) (là khách hàng đến sửa điện thoại) đã đọc nội dung cho anh H viết giấy vay tiền. Khi viết đến nội dung vay bao nhiêu tiền thì bị cáo Tuấn A đọc cho anh H ghi vay nợ 6.000.000 đồng. Do bị uy hiếp tinh thần nên anh H đã viết giấy vay nợ bị cáo Tuấn A 6.000.000 đồng. Khi viết xong thì bị cáo Tuấn A mượn bị cáo D 5.000.000 đồng và đưa cho anh H cầm rồi dùng điện thoại chụp ảnh lại. Sau đó, bị cáo Tuấn A lấy lại 5.000.000 đồng rồi đưa lại cho bị cáo D và bảo anh G chở anh H về nhà. Đến ngày 18-3-2023, ông Trần Văn Huy (là bố đẻ của H) có đơn trình báo Công an xã VT. Tại Công an xã VT, bị cáo Phạm Tuấn A đã giao nộp 01 tờ giấy vay tiền do anh Trần Minh H viết. Sau đó vụ việc đươc chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo để điều tra, giải quyết theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Về dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại anh Trần Minh H yêu cầu các bị cáo Phạm Tuấn A, bị cáo Lê Minh D phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 6.000.000 đồng, bị cáo Phạm Tuấn A và Lê Minh D đã bồi thường cho bị hại

anh Trần Minh H số tiền này. Bị hại anh Trần Minh H không yêu cầu bồi thường thêm. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại ông Trần Văn H2 không yêu cầu bồi thường thêm.

Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố bị cáo Phạm Tuấn A, Lê Minh D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 98; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A từ 24 (hai mươi bốn) đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời gian thử thách từ 48 (bốn mươi tám) đến 54 (năm mươi tư) tháng. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng; về dân sự: Bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết; về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn A – bà Trần Thị Thúy trình bày: Đồng ý với Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đề nghị áp dụng đối với bị cáo Phạm Tuấn A. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại – bà Nguyễn Thị Thu Hòa có bài bảo vệ trình bày: Đồng ý với tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đề nghị mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Về vấn đề dân sự, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo Phạm Tuấn A, Lê Minh D tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung: Do bị hại anh Trần Minh H nợ tiền của bị cáo Phạm Tuấn A nhưng chưa trả nợ nên khoảng 12 giờ ngày 17-3-2023 tại cửa hàng điện thoại D Lê ở thôn Tiền Hải, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, bị cáo Phạm Tuấn A đã cùng bị cáo Lê Minh D có cử chỉ, lời nói đe dọa sẽ dùng vũ lực làm cho bị hại anh Trần Minh H lo sợ sẽ bị đánh nên phải viết giấy vay nợ bị cáo Phạm Tuấn A số tiền 6.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Tuấn A, bị cáo Lê Minh D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Phạm Tuấn A, Lê Minh D phạm tội đối với bị hại anh Trần Minh H vào ngày 17-3-2023, thời điểm này anh H mới được 15 năm 4 tháng 6 ngày tuổi. Nên hành vi Cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo Phạm Tuấn A, bị cáo Lê Minh D phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là phạm tội đối với người dưới 16 tuổi được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo Phạm Tuấn A, bị cáo Lê Minh D đã xâm phạm đến quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên cũng cần xem xét đánh giá vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với từng bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng.

[5] Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo đều là người thực hành nhưng bị cáo Phạm Tuấn A thực hiện hành vi nguy hiểm hơn, tích cực hơn nên có vai trò cao hơn bị cáo Lê Minh D.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Minh D xúi giục bị cáo Phạm Tuấn A là người dưới 18 tuổi phạm tội, bị cáo Phạm Tuấn A xúi giục Vũ Văn G là người dưới 18 tuổi phạm tội nên các bị cáo Lê Minh D, Phạm Tuấn A đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Tuấn A, bị cáo Lê Minh D đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã

tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Trần Minh H và được bị hại anh H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Tuấn A, Lê Minh D. Bị cáo Lê Minh D có tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02-2019 đến tháng 01-2021. Do đó, các bị cáo Phạm Tuấn A, Lê Minh D đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[9] Từ những phân tích trên, căn cứ quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc đề nghị áp dụng các điểm, khoản, điều luật và mức hình phạt đối với các như Kiểm sát viên đã viện dẫn và đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại anh Trần Minh H không yêu cầu bồi thường thêm. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại ông Trần Văn H2 không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Trong vụ án: Đối với Vũ Văn G đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản cùng với Lê Minh D, Phạm Tuấn A nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi vào ngày 17-3-2023 thì G mới 11 năm 16 ngày tuổi, nên không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với G là đúng quy định pháp luật. Đối với Lao Minh T là người đọc cho Trần Minh H viết giấy vay tiền nhưng số tiền 6.000.000đ H viết trong giấy nợ là do Tuấn A đọc cho H viết. Trước và trong khi xảy ra vụ án thì T không được bàn bạc, trao đổi, không biết về việc D, Tuấn A, G có hành vi Cưỡng đoạt tài sản đối với Trần Minh H, không được hưởng lợi gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo không xử lý đối với T là đúng quy định. Đối với việc Phạm Tuấn A, Vũ Văn G đến chặn xe và đưa H đến cửa hàng điện thoại của D, xét thấy quá trình di chuyển H không bị ai trói buộc gì và tại cửa hàng thì không có ai canh giữ, quản thúc, cửa hàng luôn mở cửa quán bình thường ngay mặt đường Quốc lộ 10, thuộc khu vực đông

dân cư nên hành vi của Phạm Tuấn A và Vũ Văn G không cấu thành tội Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật. Đối với việc Phạm Tuấn A có hành vi dùng tay đánh vào Trần Minh H nhưng H không bị thương tích gì, cũng từ chối giám định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo không xử lý đối với Tuấn A về hành vi Cố ý gây thương tích là đúng quy định. Đối với việc Phạm Tuấn A cho Trần Minh H vay 2.400.000 với lãi suất 100.000đ/ngày nhưng chưa thu lợi bất chính khoản tiền nào nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo không xử lý đối với Tuấn A về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng quy định. Hội đồng xét xử không xét về những vấn đề này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 98; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Tuấn A xử phạt: Bị cáo Phạm Tuấn A 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Minh D xử phạt: Bị cáo Lê Minh D 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Lê Minh D cho Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo Phạm Tuấn A, Lê Minh D cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh đối với bị cáo Phạm Tuấn A, bị cáo Lê Minh D.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Tuấn A, người bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn A; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng PC10, PV06 CATP;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- CQĐT Công an huyện Vĩnh Bảo;
- CQ THA HS Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS H. Vĩnh Bảo;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

Đinh Duy Việt